

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+BK16+CLO	7:25	8+0+7	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 1 bk9-bk16
2		PVD8+P8	7:25	17+0	0+0		17+5	0+0	
3		GTCl+CTK3	7:25	0+20	0+0		0+22	0+0	chuyen 2 gtcl-ctk3
4		MRM+RC3	9:25	19+0	0+0+0		18+2	0+0+0	
5		CTK3+TTC3+P5	9:25	17+2+0	0+0+0		9+1+12	0+0+0	
6		PVD8+P11	9:25	17+0	0+0		16+6	0+0	
7		RP3+BK14+BK9	11:25	3+11+1	0+0+0		1+11+10	0+0+0	

TTĐDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Bk9-2ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK9 - BK16 - BK20	CREW: NAM - VTHẮNG - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2536	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ XUÂN CÔNG	BK9	49	1	5			53	SGC	Vietnamese
2	ĐẶNG HOÀNG ANH	BK9	52	1	14			87	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ QUANG HIỆP	BK9	48	1	2	1	20	68	DK9	Vietnamese
4	VÕ THỂ HẬU	BK9	51	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH HÀ	BK9	53	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG MINH HOÀNG	BK9	56-57	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC THUẬN	BK9	50	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC HUY	BK9	54-55	2	23			65	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HOÀNG ANH	BK20	40,44	2	6			114	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN TRƯỜNG	BK20	41	1	11			66	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAN VĂN CHUNG	BK20	39	1	14			82	ANTOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG DUY KHÁNH	BK20	60	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN GIÁP TUẤT	BK20	59	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN BÁ ĐIỆN	BK20	42-43	2	19			81	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	BK20	61	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	8	566	10	82	1	20	3	1	CHUYEN 1 PAX TU BK9 SANG BK16
2	BK16	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK20	7	561	9	80	0	0	19		
TOTAL		15	1.127	19	162	1	20	22		
WEIGHT KG			1.127		162		20			

GRAND TOAL: 1.309 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - P8	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2539	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN AN NHANH	PVD8	81-82	2	18			61	Hallibuton	Vietnamese
2	TRƯƠNG NHẬT QUANG	PVD8	93-94	2	18			78	PVD LOG	Vietnamese
3	CHAGIN SERGEI	PVD8	74-75	2	15			75	KIM THIET	Russian
4	DINAR RAKHIMOV	PVD8	76-77	2	11			97	KIM THIET	Russian
5	TẶNG HOÀNG LONG	PVD8	91	1	8			79	PVD DD	Vietnamese
6	TU DUONG VAN	PVD8	99	1	3			85	PVD DD	Vietnamese
7	VU HUY HUNG	PVD8	88-89	2	15			73	PVD DD	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	PVD8	96	1	10			68	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THÊU	PVD8	90	1	5			78	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PVD8	84	1	9			59	PVDO	Vietnamese
11	BÙI VĂN TUẤN	PVD8	80	1	5			69	PVDO	Vietnamese
12	LÝ A BÌNH	PVD8	86	1	3			64	PVDO	Vietnamese
13	VŨ DUY THÀNH	PVD8	87	1	5			57	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN ĐAN	PVD8	85	1	4			56	PVDO	Vietnamese
15	VĂN HUY THANH	PVD8	83	1	7			71	PVDO	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN KIÊM	PVD8	78	1	7			78	PVDO	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HOÀNG	PVD8	95	1	5			102	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	PVD8	92	1	19	4	58	77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.327	23	167	4	58	17		
2	P8	0	0	0	0	2	33	5		
TOTAL		18	1.327	23	167	6	91	22		
WEIGHT KG			1.327		167		91			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯỜNG CÔNG ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: GTC1 - CTK3	CREW: NAM - VTHẮNG - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/2541		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ XUÂN THÀNH	CTK3	19	1	6	3	55	70	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	94	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
3	BÙI TIẾN DŨNG	CTK3	24	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	98	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ MẬU MẾN	CTK3	95-96	2	13			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	13	1	6			44	KH-THAC	Vietnamese
7	KHUƠNG THANH DƯƠNG	CTK3	97	1	12			71	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH VƯƠNG	CTK3	92	1	7			102	ANTOAN	Vietnamese
9	BÙI VĂN DOANH	CTK3	15	1	9			66	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN HUỆ	CTK3	01-02	2	18			53	VŨ GIA	Vietnamese
11	PHẠM CAO CƯỜNG	CTK3	25-26	2	12			71	D-HANH	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	17	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG PHÚC THẮNG	CTK3	99	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG HẢI	CTK3	18	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	93	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
16	BÙI VĂN BẮC	CTK3						52	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	23	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	22	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VIỆT HUNG	CTK3	16	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	CTK3	20-21	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	0	0	0	0	0	0	04	2	CHUYỂN 02 KHÁCH TỪ GTC1 SANG CTK3
2	CTK3	20	1.371	23	172	3	55	22		
TOTAL		20	1.371	23	172	3	55	22		
WEIGHT KG			1.371		172		55			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: MRM - RC3	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/2537		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BORIS PANKOV	MRM	52	1	11			95	HALLIBURTON	Russian
2	TRẦN ĐÌNH KHA	MRM	46	1	8			68	MINH MINH	Vietnamese
3	VU ĐÌNH TUÂN	MRM	47-48	2	15			75	HÔNG HÀ	Vietnamese
4	BUI TRONG VINH	MRM	49-50	2	16			68	HÔNG HÀ	Vietnamese
5	TRAN MANH TOAN	MRM	51	1	7			69	HÔNG HÀ	Vietnamese
6	EREMEEV EVGHENHII	MRM	56	1	15			99	KHOAN	Russian
7	NGÔ VĂN SƠN	MRM	53	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
8	CHU QUANG SƠN	MRM	54	1	11			76	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ MINH TRẦN	MRM	58	1	11			72	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THUỘNG VŨ	MRM	68	1	12			90	KHOAN	Vietnamese
11	LÃ QUÝ DANH	MRM	55	1	8			59	DVL	Vietnamese
12	BAKYT ASHEKBAYEV	MRM	44-45	2	20			83	SCHLUMBERGER	Kazakstan
13	VOLOSNOV DMITRII	MRM	64-65	2	14			75	AMHTP	Russian
14	NADIR RAKHMATULIN	MRM	63	1	13			89	AMHTP	Russian
15	ZAPASNIK ILIA	MRM	59-60	2	9			112	AMHTP	Russian
16	IAREMCHENKO TARAS	MRM	57	1	10			89	AMHTP	Russian
17	DAULETIAROV MAKSIM	MRM	66-67	2	17			96	AMHTP	Russian
18	ROIK NIKOLAI	MRM	61	1	15			89	AMHTP	Russian
19	RAKHMANOV SERGEI	MRM	62	1	4			72	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	19	1.551	25	226	0	0	18		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.551	25	226	0	0	20		
WEIGHT KG			1.551		226		0			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TRẮNG-3	TO: CTK3 - TTC3 - P5	CREW: KHOÀN - XTRƯỜNG - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2540	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	11	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU THIÊN	CTK3	21	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH HIẾU	CTK3	16-18	3	19			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG TIẾN	CTK3	14	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CTK3						73	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG AN	CTK3	09	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	10	1	9			94	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3						83	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ XUÂN QUÝ	CTK3	08	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	12	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3	13	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN CHUYÊN	CTK3	15	1	5			52	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	06	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NĂM	CTK3	20	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DOÃN ĐỨC	CTK3	07	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG MINH KHUÊ	CTK3	22-23	2	13			61	NIPI	Vietnamese
17	HOÀNG PHƯƠNG NAM	CTK3	19	1	9			74	NIPI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN DŨNG	TTC3	38-39	2	17			53	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM THẾ VIỆT	TTC3	40	1	14			68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.214	18	130	0	0	11		
2	TTC3	2	121	3	31	0	0	1		
3	P5	0	0	0	0	2	7	10		
TOTAL		19	1.335	21	161	2	7	22		
WEIGHT KG			1.335		161		7			

GRAND TOAL: 1.503 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐO XUÂN HOÀN
HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:20
B.CARD: CAM-4	TO: PVD8 - P11	CREW: KHOÀN - XTRƯỜNG - TDUNG	ETA: 16:30
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2542	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ĐÌNH HÙNG	PVD8	57-58	2	15			67	PVD OFFSHORE	Vietnamese
2	VÕ HỒNG THỊNH	PVD8	51	1	11			89	PVDWS	Vietnamese
3	PHAM CONG HAU	PVD8	64	1	9			67	HECO	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRANG	PVD8	69	1	8			62	HECO	Vietnamese
5	MAI VĂN NHẬT	PVD8	49	1	9			72	INTL.SOS	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU PHÚ	PVD8	60-62	3	14			74	PVD TECH	Vietnamese
7	HOÀNG MẠNH CUÔNG	PVD8	53-54	2	11			65	PVD TECH	Vietnamese
8	PHẠM TÀI TÚ	PVD8	55-56	2	19			65	PVD TECH	Vietnamese
9	VŨ QUANG	PVD8	59	1	10			73	D-HANH	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LINH	PVD8	67	1	4			76	NIPI	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGỌC	PVD8	51	1	5			69	PSV	Vietnamese
12	BÙI HẢI THANH	PVD8	48	1	9			74	PSV	Vietnamese
13	LÊ TẤT VINH	PVD8	50	1	5			72	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HẠNH	PVD8	63	1	4			59	PSV	Vietnamese
15	LÂM PHÁT ĐẠT	PVD8	65-66	2	7			78	PSV	Vietnamese
16	DOÃN VIỆT ĐÔNG	PVD8	69	1	14			76	CODIEN	Vietnamese
17	ĐÀO ĐỨC THIÊN	PVD8	70	1	15	3	42	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	17	1.208	23	169	3	42	16		
2	P11	0	0	0	0	2	36	6		
TOTAL		17	1.208	23	169	5	78	22		
WEIGHT KG			1.208		169		78			

GRAND TOAL: 1.455 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐINH THỊ HOA

ĐỖ XUÂN HOÀN
HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO: RP3 - BK14 - BK9	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/2538	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN MẠNH CƯỜNG	RP3	92	1	8	4	56	69	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN SƠN TÙNG	RP3	91	1	9	1	18	70	CODIEN	Vietnamese
3	LAM HUU TUNG	RP3	88-89	2	20	1	8	64	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN (17373)	BK14	15	1	7	1	20	78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN HẢI VIỆT	BK14	21	1	6			93	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	BK14	20	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HIẾU TRUNG	BK14	19	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NHÂN KHANH	BK14	07	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HẢI	BK14	06	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BÁ LINH	BK14	11-12	2	20			57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY PHÚC	BK14	16-17	2	20			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	13-14	2	12			78	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH ĐỨC	BK14	04-05	2	17			80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT ANH	BK14	08	1	5	2	19	70	PSV	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK9	36	1	6			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	3	203	4	37	6	82	1		
2	BK14	11	852	15	116	3	39	11		
3	BK9	1	73	1	6	0	0	10		
TOTAL		15	1.128	20	159	9	121	22		
WEIGHT KG			1.128		159		121			

GRAND TOAL: 1.408 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THI THU HƯƠNG

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

